

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Kế hoạch SXKD điện

1. Lịch sửa chữa, kế hoạch sản lượng năm 2021

a) Lịch sửa chữa: Công ty cập nhật trên cơ sở kế hoạch số 4541/ĐĐQG-PT ngày 17/12/2020 của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, cụ thể:

- S1: Sửa chữa 6 ngày, từ 28/4/2021 ÷ 3/5/2021;
- S2: Sửa chữa 6 ngày, từ 1/9/2021 ÷ 6/9/2021;
- S3: Sửa chữa 6 ngày, từ 21/7/2021 ÷ 26/7/2021;
- S4: Đại tu 60 ngày, từ 2/8/2021 ÷ 30/9/2021;

b) Kế hoạch sản lượng điện: Công ty cập nhật trên cơ sở các Quyết định:

- Sản lượng điện sản xuất: Theo Quyết định số 3598/QĐ-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2021, theo đó kế hoạch sản lượng năm 2021 của Công ty là 7,172 tỷ kWh;
- Sản lượng Qc: Theo Quyết định số 123/QĐ-ĐTĐL ngày 31/12/2020 của Cục điều tiết điện lực về việc phê duyệt kế hoạch vận hành Thị trường điện năm 2021, theo đó kế hoạch Qc năm 2021 của Công ty là 5,186 tỷ kWh ($\alpha = 0,8$);
- Sản lượng điện bán: 6,490 tỷ kWh, đã bao gồm phần đầu tiết giảm 1% lượng điện tự dùng từ 9,61% theo PAGĐ xuống 9,51%.

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Công ty xây dựng Kế hoạch SXKD trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong PAGĐ, Đề án nâng cao hiệu quả SXKD và năng suất lao động, Định mức nguyên nhiên liệu tiêu hao phục vụ sản xuất điện được HĐQT Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1494/QĐ-NĐQN ngày 05/7/2019 và một số chỉ tiêu theo kết quả đã thực hiện các năm trước đó, cụ thể:

- Tỷ lệ tự dùng (không bao gồm lượng điện nhận về từ lưới, khởi động): 9,51%.
- Hệ số khả dụng là 88,36%.
- Tỷ lệ dừng máy do sự cố là 2,74%.
- Tỷ lệ dừng máy do bảo dưỡng là 8,91%.
- Suất tiêu hao nhiên liệu và vật liệu:

+ Suất hao nhiệt để tính chi phí than: Công ty tính toán theo suất hao nhiệt 10.505,1kJ/kWh (2.509,1kCal/kWh) trong Hợp đồng mua bán điện

SDBS số 07, tương ứng suất tiêu hao 514,41g/kWh tính trên tỷ lệ, chủng loại than của Hợp đồng mua bán than dự kiến cho năm 2021.

+ Dầu FO (đốt kèm + khởi động) phân đầu thực hiện cả năm ở mức 1,8g/kWh, thấp hơn trong PAGĐ là 2,3 g/kWh.

+ Đá vôi: 16,67 g/kWh theo định mức tiêu hao 1494/QĐ-NĐQN ngày 05/7/2019 và PAGĐ; tương tự kế hoạch SXKD năm 2020.

+ Bi nghiền than: 0,1178 g/kWh theo định mức tiêu hao 1494/QĐ-NĐQN ngày 05/7/2019 và PAGĐ; tương tự kế hoạch SXKD năm 2020.

+ Bi nghiền đá vôi: 0,096 g/kWh theo định mức tiêu hao 1494/QĐ-NĐQN ngày 05/7/2019 và PAGĐ; tương tự kế hoạch SXKD năm 2020.

+ Hóa chất: Theo định mức tiêu hao 1494/QĐ-NĐQN ngày 05/7/2019; tương tự kế hoạch SXKD năm 2020.

3. Kế hoạch doanh thu bán điện

- Kế hoạch doanh thu bán điện năm 2021 dự kiến đạt 8.305,86 tỷ đồng. Trong đó:

+ Giá bán điện hợp đồng (Pc): Trên cơ sở các quy định của PPA và các thông số than, dầu dự kiến cho năm 2021 thì giá Pc tính toán cho năm 2021 của Công ty là 1.308,98đ/kWh;

+ Giá thị trường bình quân năm 2021 là 1.073,2 đ/kWh với ΔG là 31,375đ/kWh;

+ Doanh thu tăng thêm từ hoạt động Thị trường điện ΔD dự kiến năm 2021 là 111,465 tỷ đồng.

- Chi phí bồi thường bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2020: Dự kiến theo giá trị Công ty đang gửi hồ sơ khiếu nại bảo hiểm đối với tổn thất ngày 28/5/2020 là 1,6 tỷ đồng.

4. Kế hoạch chi phí:

4.1. Chi phí biến đổi:

a) Nhiên liệu chính (than): Suất tiêu hao than tính toán trên cơ sở suất hao nhiệt 10.505,1kJ/kWh (2.509,1kCal/kWh) trong hợp đồng mua bán điện SDBS số 07, tương ứng suất tiêu hao 514,41g/kWh (*bằng chi phí biến đổi than trong giá Pc*) tính trên tỷ lệ, chủng loại than của Hợp đồng mua bán than dự kiến cho năm 2021.

b) Vật liệu phụ: Được tính theo Định mức nguyên nhiên liệu tiêu hao phục vụ sản xuất điện được ban hành tại Quyết định số 1494/QĐ-NĐQN ngày 05/7/2019 của HĐQT/hoặc trong PAGĐ tương ứng với kế hoạch sản lượng điện nêu trên; các đơn giá được cập nhật theo các đơn giá Công ty đã thực hiện nhập kho, hợp đồng đang thực hiện với các nhà cung cấp hoặc công bố giá của Địa

phương, Tập đoàn kinh tế Nhà nước/báo giá từ các nhà cung cấp trên Thị trường và đánh giá để đảm bảo tính khả thi trong công tác lựa chọn nhà thầu:

c) Chi phí sửa chữa thường xuyên:

- Chi phí thuê dịch vụ sửa chữa thường xuyên (SCTX) TM1, TM3 và phần thiết bị dùng chung theo TM: Tính trên giá trị 01 năm (giá trị trước thuế là 23,7 tỷ đồng/năm) theo Hợp đồng số 203/2018/HĐ-SCTX ngày 31/12/2108 giai đoạn 2018-2021 ký giữa Công ty và Công ty cổ phần sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc (NPS).
- Chi phí vật tư SCTX năm 2021 được lập, tổng hợp trên cơ sở yêu cầu thực tế phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng, khắc phục các khiếm khuyết, nhằm duy trì hoạt động bình thường/ổn định/nâng cao hiệu suất vận hành của các Thiết bị được xác định cần thiết phải thực hiện, sau khi khảo sát chi tiết, đánh giá tổng thể thực trạng vận hành (kết hợp kiểm tra, tham khảo lý lịch thiết bị, chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định của Nhà chế tạo) đối với các thiết bị này. Giá vật tư SCTX được cập nhật trên cơ sở giá nhập kho, đơn giá hợp đồng đang thực hiện hoặc tham khảo báo giá từ các Nhà thầu cung cấp, đại lý trên Thị trường đối với các vật tư phát sinh mới.

4.2. Chi phí cố định:

a) Chi phí vận hành bảo dưỡng, bao gồm:

- Chi phí nhân công bao gồm: (i) Quỹ lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; (ii) Quỹ lương người lao động, trong đó có xét đến yếu tố khách quan tác động đến kế hoạch sản lượng/kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty,
- Chi phí bằng tiền, dịch vụ mua ngoài: Được lập trên cơ sở các chi phí, nội dung công việc theo quy định hoặc mang tính định kỳ hàng năm.
- Chi phí sửa chữa lớn
- Chi phí bảo trì các hạng mục công trình.

b) Khấu hao TSCĐ: Bao gồm khấu hao tài sản cố định chuyển tiếp từ các năm trước và khấu hao tài sản cố định dự kiến đầu tư mới trong năm 2021. Trong đó đã bao gồm cập nhật giá trị giảm khấu hao theo Quyết định 2328/QĐ-NĐQN ngày 28/12/2020 của HĐQT về việc phê duyệt thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định.

c) Lãi vay vốn lưu động, dài hạn: Bao gồm lãi vay cho khoản vay vốn lưu động và lãi vay dài hạn. Trong đó đối với khoản lãi vay nước ngoài được tính toán trên cơ sở tỷ giá 23.300VND/USD.

5. Các khoản mục chi phí chuyển từ kế hoạch năm trước sang thực hiện năm 2021: Với giá trị 46,42 tỷ đồng, bao gồm:

- 04 hạng mục thuộc kế hoạch SCL năm 2020 với giá trị là 33,12 tỷ đồng;
- Một số khoản mục chi phí bằng tiền, dịch vụ mua ngoài có tiến độ thực hiện đến năm 2021 hoặc chưa thực hiện trong năm 2020 (kiểm toán SCL) với giá trị 13,3 tỷ đồng.

6. Phân đầu tiết giảm các khoản mục chi phí:

Trên cơ sở kế hoạch, dự toán các khoản mục chi phí năm 2021 nêu trên và kết quả thực hiện trong năm 2020 (và các năm trước), Công ty cũng đã xây dựng mục tiêu phân đầu tiết giảm các khoản mục chi phí thông qua đấu thầu, tối ưu hóa các khâu quản lý, cấp phát, sử dụng các nguyên, nhiên vật liệu, vật tư tiêu hao, vật tư SCTX ngoài phân đầu giảm tiêu hao theo định mức và PAGĐ, cụ thể:

- Phân đầu tiết giảm 5% chi phí dự phòng theo dự toán các hạng mục SCL;
- Phân đầu tiết giảm 10% chi phí theo kế hoạch, dự toán một số khoản mục chi phí vật liệu phụ, vật tư SCTX, chi phí bằng tiền, dịch vụ mua ngoài và SCL. Riêng chi phí đá vôi, bi nghiền đá vôi phân đầu tiết giảm ở mức 20% chi phí theo kế hoạch.

7. Kế hoạch lợi nhuận:

Kế hoạch lợi nhuận SXKD điện năm 2021 của Công ty theo phương án tính toán, xây dựng nêu trên là 328,08 tỷ đồng.

II. Kế hoạch hoạt động tài chính:

Trường hợp tỷ giá bình quân thực hiện năm 2020 có tăng, giảm so với dự kiến trong kế hoạch này (23.300VND/USD) dẫn đến phát sinh lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá so với kế hoạch, Công ty sẽ tiến hành đánh giá lại và báo cáo trong kết quả SXKD năm 2021 của Công ty.

III. Kế hoạch các hoạt động khác:

Bao gồm kế hoạch doanh thu, chi phí cho các hoạt động bán tro bay, tro xỉ và các khoản thuế, phí (đất) phải nộp và kế hoạch thu, chi cho Khu CBCNV.

IV. Tổng hợp kế hoạch SXKD năm 2021:

- Sản lượng điện sản xuất: 7,172 tỷ kWh;
- Sản lượng điện bán: 6,490 tỷ kWh, với mức Qc: 5,186 tỷ kWh;
- Tổng doanh thu: 8.322,7 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 7.987,9 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 334,8 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 318,0 tỷ đồng.